

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 278/2022/DS-PT

Ngày 29 – 9 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan.

Ông Đặng Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thúy D, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Phạm Kim K, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện U, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hải Vân – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Phạm Kim K là bị đơn vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thúy D trình bày: Bà có cho con bà K là Nguyễn Hằng Mơ, anh Nguyễn Quốc trị vay tiền, để chi tiêu cho gia đình. Đến khi bà Mơ, anh Quốc có gia đình riêng thì bà Mơ giao lại cho bà K có trách nhiệm trả nợ. Sau đó,

giữa bà và bà K đã nhiều lần tổng kết, chốt lại số tiền thiếu, nhưng sau đó bà K lại tiếp tục vay của bà, khi vay có thỏa thuận lãi nhưng chỉ đóng được 1 - 2 tháng thì ngưng. Ngày 10/5/2021 âm lịch Hai bên tổng kết nợ, bà K viết biên nhận không tính lãi và trả số tiền còn thiếu 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả mỗi ngày 200.000 đồng cho đến khi hết nợ. Biên nhận này chỉ tính số nợ của riêng bà K. Sau khi viết biên nhận thì bà K đã trả cho bà được 7.800.000 đồng rồi không trả nữa. Ngày 07/01/2022 dương lịch, Ban nhân dân khóm 3 có tổ chức hòa giải thì bà K thống nhất có thiếu 100.000.000 đồng, đồng ý tháng 01, 02 năm 2022 mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, từ tháng 3 năm 2022 mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau khi Ban nhân dân khóm hòa giải thì bà K không trả thêm cho bà nên bà yêu cầu bà K có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 92.200.000 (chín mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà K trả số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Bị đơn bà Phạm Kim K trình bày:

Số tiền mà bà thiếu bà D xuất phát từ khoản nợ của con bà là bà Mơ và ông Trị, do con đi học, lập gia đình nên bà nhận chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ này. Bà chỉ vay bà D tổng số tiền 25.000.000 đồng nhưng đã đóng lãi được 45.000.000 đồng. Còn Mơ vay của bà D 86.000.000 đồng, đóng lãi được 114.300.000 đồng. Về thời gian vay và tiền lãi đóng cụ thể đã trình bày tại biên bản hòa giải. Bà D và mẹ chồng bà D tính tiền lãi bà đã đóng từ 16/7/2019 đến 22/3/2020 là 156.000.000 đồng, còn lại số vốn vay là 111.000.000 đồng yêu cầu trả mỗi ngày 200.000 đồng đến khi hết nợ, không tiếp tục tính lãi. Tuy nhiên, từ ngày 22/3/2020 đến ngày 28/11/2021 thì bà đã đóng cho bà D là 119.560.000 đồng. Về tiền gốc thì từ ngày 22/3/2020 đến ngày 26/4/2020 bà đã trả được 3.000.000 đồng nên bà chỉ còn thiếu tiền gốc là 108.000.000 đồng. Trong thời gian bà đóng lãi thì bà D kêu bà viết biên nhận 100.000.000 đồng ngày 10/5/2021. Sau khi viết biên nhận này thì bà đã đóng được 15.290.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng trước ngày 22/3/2020 bà không yêu cầu xem xét. Bà chỉ yêu cầu xem xét số tiền lãi bà đã đóng ngày 22/3/2020 đến ngày 28/11/2021 thì bà đã đóng cho bà D là 119.560.000 đồng, đã cao hơn số tiền gốc còn thiếu là 108.000.000 đồng. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thúy D. Buộc bà Phạm Kim K có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thúy D số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/7/2022, bà Phạm Kim K có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá

trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Kim K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà K không đồng ý thanh toán số nợ 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu). Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại khoản tiền bà đã đóng cho bà D từ ngày 22/3/2020 đến ngày 28/11/2021.

Xét thấy sau khi viết biên nhận ngày 10/5/2021 thì bà K đã trả được 7.800.000 đồng thì ngưng theo lời trình bày của bà D. Do đó bà D khởi kiện yêu cầu bà K phải trả số tiền còn thiếu là 92.200.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà K trả tiếp số tiền 80.000.000 đồng. Đối với lời trình bày của bà K cho rằng những lần bà K đóng lãi thì bà D đều có ký tên. Bà D xác định có ký tên vào sổ của bà K nhưng đó là các khoản nợ vay trước đây, thời điểm chưa tổng kết nợ, các khoản này đôi bên đã cân trừ bà K đã thanh toán xong.

[2] Bà K thừa nhận có làm biên nhận thiếu bà D 100.000.000đ vào ngày 10/5/2021 âm lịch đây là biên nhận tổng kết nợ của đôi bên. Tại Tòa bà K cho là chưa chốt phần nợ, nhưng trong biên nhận ghi rõ là số tiền tổng kết 100.000.000đ và hẹn cách thức thanh toán, biên nhận này có bà K bà D ký tên, cho nên lời trình bày của bà K là chưa có căn cứ. Bà K cho rằng tổng số tiền gốc mà bà và con gái là chị Mơ vay là 111.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã đóng là đến ngày 22/3/2020 là 114.300.000 đồng. Từ ngày 22/3/2020 đến ngày 28/11/2021 tiếp tục đóng lãi được 119.560.000 đồng, phần tiền gốc đã trả được 3.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 22/3/2020 đến ngày 26/4/2020, nên chỉ còn thiếu tiền gốc 108.000.000 đồng. Bà cho rằng đã đóng tiền lãi cao hơn số tiền gốc còn thiếu nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

[3] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ do bà K cung cấp ngày 24/3/2022, thấy rằng lời trình bày của bà K so với các tài liệu có sự mâu thuẫn. Các tài liệu thể hiện nội dung liên quan đến khoản nợ của người tên Tự, riêng bút lục 39 có dòng chữ “anh Tự còn nợ đến nay là 111.000 ngày 22-3-2020 còn một trăm mười một triệu đồng” thể hiện số nợ và mốc thời gian ghi nhận giống với lời trình bày của bà K nhưng lại không liên quan đến số nợ của bà K với bà D. Tài liệu đánh số bút lục 45 thể hiện việc bà K thiếu bà D 155.000.000 đồng và bà D chơi giùm một chân hụi loại 6.000.000 đồng/tháng, bà K đóng lại cho bà D mỗi ngày 200.000 đồng tính từ ngày 01/11/2020 nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà K xác định không có, chỉ ghi biên nhận chứ không có đóng hụi. Các tài liệu còn lại chủ yếu thể hiện số tiền đóng của từng tháng nhưng không theo thứ tự thống nhất, tổng từng trang hoặc từng đoạn không chính xác, nhiều chỗ bị sửa viết đè lên chữ viết, chữ số ban đầu, không rõ là theo dõi của khoản tiền nào và do bà K tự viết. Một số nội dung

trong các tài liệu bà K cung cấp, nhưng tại phiên tòa bà lại trình bày là không tính. Số tiền bà K trình bày đã đóng cho bà D sau khi viết biên nhận ngày 10/5/2021 từng lúc không trùng khớp, tại biên bản hòa giải ngày 08/3/2022 là 17.150.000 đồng, tại phiên tòa lại xác định là 15.290.000 đồng, Hiện nay cũng không xác định được đóng bao nhiêu tiền lãi cũng không có cơ sở nào để tính toán lại.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho là: Trong thời gian bà K đóng tiền cho bà D thì bà D kêu bà K viết biên nhận nợ 100.000.000 đồng. Bà K có ghi chép việc trả tiền cho bà D trong sổ theo dõi thể hiện số tiền đã đóng từ 22/3/2020 đến 28/11/2021 là 119.560.000 đồng. Sau khi viết biên nhận ngày 10/5/2021 thì bà K đã đóng được 15.290.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy các tài liệu, chứng cứ bà K cung cấp không chứng minh được cho lời trình bày của bà. Tại phiên hòa giải và phiên tòa, bà K thừa nhận Biên nhận ngày 10/5/2021 âm lịch do chính bà tự viết, ký tên, không ai ép buộc. Bà K cũng xác định có tham gia buổi hòa giải ngày 07/01/2022 tại trụ sở văn hóa khóm 3. Biên bản hòa giải vào thời gian nêu trên có nội dung bà K thừa nhận thiếu bà D 100.000.000 đồng và thỏa thuận tháng 01, 02 năm 2022 mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, từ tháng 3 năm 2022 trả mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Do đó, cấp sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn mà chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn. Xác định Biên nhận ngày 10/5/2021 âm lịch giữa bà D với bà K là biên nhận tổng kết nợ hợp pháp và có căn cứ buộc bà K trả nợ. Tại biên bản hòa giải của Ban nhân dân khóm thể hiện tại thời điểm hòa giải bà K đã trả cho bà D 7.800.000 đồng, bà D thừa nhận nên có cơ sở xác định bà K còn thiếu bà D 92.200.000 đồng. Tại phiên sơ thẩm bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà K trả 80.000.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Do đó, buộc bà K có trách nhiệm trả lại cho bà D số tiền còn thiếu là 80.000.000 đồng

Từ phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Kim K.

Tại phiên tòa ý kiến đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những phân tích nhận định trên.

[5] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Kim K là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do bà K thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Kim K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thúy D. Buộc bà Phạm Kim K có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thúy D số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bà Phạm Kim K thuộc trường hợp được miễn án phí, không phải nộp. Bà Đỗ Thúy D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.305.000 đồng (Hai triệu ba trăm lẻ năm nghìn) lai thu tiền số 0010245 ngày 07 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Kim K thuộc trường hợp được miễn án phí, không phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

